



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HÀ GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	19.211.306
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.689.281
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.189.590
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	823.190
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	320.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	23.400
2	Chi thường xuyên (2)	14.180.073
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	7.173.714
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.449
3	Chi trả lãi vay	5.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	313.318
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.522.025
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	777.094
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.571.044
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.173.887
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	23.400
D	Tổng số vay trong năm (5)	42.300
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	23.400
II	Vay để trả nợ gốc	18.900

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HÀ GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	17.301.952
I	Bổ sung cân đối ngân sách	10.311.850
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	3.468.077
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.522.025
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	18.754

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 42.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 55.205 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH TUYỀN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	14.325.770
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.282.366
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.827.710
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	596.810
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.200.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	4.900
2	Chi thường xuyên (2)	9.225.907
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.464.520
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	18.891
3	Chi trả lãi vay	2.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	225.549
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.043.404
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.376.456
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	900.461
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	766.487
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	4.900
D	Tổng số vay trong năm (5)	10.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	4.900
II	Vay để trả nợ gốc	5.100

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH TUYỀN QUANG**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.701.698
I	Bổ sung cân đối ngân sách	5.909.884
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.748.410
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.043.404
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	83.272

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 10.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 14.432 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 114.850 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	14.894.336
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	10.967.706
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.028.940
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	841.940
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	172.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	15.000
2	Chi thường xuyên (3)	9.713.008
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.352.795
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	21.235
3	Chi trả lãi vay	4.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.300
5	Dự phòng ngân sách	219.758
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.926.630
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.431.544
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	540.442
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	954.644
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	20.200
D	Tổng số vay trong năm (6)	2.600
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	2.600

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH CAO BẰNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	13.729.512
I	Bổ sung cân đối ngân sách	7.793.101
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (7)	2.009.781
III	Bổ sung có mục tiêu (8)	3.926.630
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	30.564

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 1.049.140 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 2.600 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 6.479 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (8) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 36.395 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LANG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.853.637
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.464.235
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.401.000
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	826.700
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	533.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	16.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	25.300
2	Chi thường xuyên (2)	11.790.056
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.011.760
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	17.391
3	Chi trả lãi vay	3.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400
5	Dự phòng ngân sách	268.779
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.389.402
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.045.233
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	536.082
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	808.087
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	25.300
D	Tổng số vay trong năm (5)	35.400
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	25.300
II	Vay để trả nợ gốc	10.100

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LẠNG SƠN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	15.387.945
I	Bổ sung cân đối ngân sách	8.319.216
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	2.679.327
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	4.389.402
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	8.792

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 35.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 11.751 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 55.250 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	18.577.628
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	16.261.161
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.390.810
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	734.810
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.620.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.000
2	Chi thường xuyên (3)	12.521.182
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.118.151
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	25.179
3	Chi trả lãi vay	22.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.100
5	Dự phòng ngân sách	325.469
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.316.467
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	772.428
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	811.153
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	732.886
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	12.300
D	Tổng số vay trong năm (5)	30.000
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	30.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LÀO CAI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.880.637
I	Bổ sung cân đối ngân sách	5.714.839
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.849.331
II	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.316.467
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	558.691

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 3.403.110 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 30.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 44.396 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 137.975 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	14.212.209
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.816.428
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.739.110
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	581.010
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.050.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	72.100
2	Chi thường xuyên (2)	9.814.931
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.408.321
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	23.424
3	Chi trả lãi vay	26.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	234.887
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.395.781
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.294.686
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	535.797
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	565.298
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	72.100
D	Tổng số vay trong năm (5)	100.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	72.100
II	Vay để trả nợ gốc	28.000

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH YÊN BÁI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.054.709
I	Bổ sung cân đối ngân sách	6.702.022
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.956.906
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.395.781

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 100.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 13.951 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 69.200 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.758.270
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	16.511.296
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.841.700
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	821.700
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000
2	Chi thường xuyên (3)	11.266.740
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.878.449
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.801
3	Chi trả lãi vay	70.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	330.956
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.246.974
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	385.424
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	456.808
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	404.742
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	96
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	36.500
D	Tổng số vay trong năm (6)	50.000
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	50.000

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH THÁI NGUYÊN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.246.974
I	Bổ sung có mục tiêu (7)	1.246.974
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (8)	989.956

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 4.878.200 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 50.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (8) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 1.149.310 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	8.138.283
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	6.186.163
1	Chi đầu tư phát triển (1)	669.280
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	443.280
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	6.000
2	Chi thường xuyên (2)	5.384.480
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.370.955
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	15.000
3	Chi trả lãi vay	7.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	123.603
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.952.120
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.044.077
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	328.228
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	579.815
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	6.000
D	Tổng số vay trong năm (5)	16.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	6.000
II	Vay để trả nợ gốc	10.000

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẮC KẠN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.309.643
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.141.241
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.216.282
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	1.952.120
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	12.040

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 16.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 3.533 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 27.900 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.800.950
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.998.272
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.864.130
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	623.330
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.200.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.800
2	Chi thường xuyên (3)	13.810.137
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.341.264
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.669
3	Chi trả lãi vay	2.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	320.305
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.802.678
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	259.450
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	975.597
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	567.631
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	17.000
D	Tổng số vay trong năm (6)	5.800
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	5.800

2
Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH PHÚ THỌ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.008.487
I	Bổ sung cân đối ngân sách	6.792.004
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (7)	2.413.805
III	Bổ sung có mục tiêu (8)	1.802.678
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	308.353

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 1.881.130 triệu đồng.
 - (2) Trong đó đã bao gồm 5.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 - (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 65.675 triệu đồng.
 - (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
 - (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 - (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - (8) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 383.215 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	23.432.381
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	22.462.655
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.784.170
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	751.170
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	33.000
2	Chi thường xuyên (2)	15.222.646
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	7.083.911
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	36.231
3	Chi trả lãi vay	4.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	449.939
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	969.726
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	197.985
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	253.313
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	518.428
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	34.300

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.252.387
I	Bổ sung cân đối ngân sách	6.282.661
II	Bổ sung có mục tiêu (5)	969.726
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.960.294

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 6.818.470 triệu đồng.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 88.022 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
 - (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 525.400 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	22.237.320
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.979.154
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.527.740
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	657.840
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.850.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	16.800
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	3.100
2	Chi thường xuyên (2)	12.146.693
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.317.007
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	21.256
3	Chi trả lãi vay	3.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.300
5	Dự phòng ngân sách	299.521
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	7.258.166
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	6.068.235
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	629.832
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	560.099
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	3.100
D	Tổng số vay trong năm (5)	23.400
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	3.100
II	Vay để trả nợ gốc	20.300

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HÒA BÌNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	16.751.482
I	Bổ sung cân đối ngân sách	7.435.936
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	2.057.380
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	7.258.166
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	566.838

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 23.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 23.417 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 168.950 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	20.638.367
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	16.625.278
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.897.430
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	962.530
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	881.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	53.900
2	Chi thường xuyên (3)	14.387.910
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	7.803.148
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	24.329
3	Chi trả lãi vay	6.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	332.538
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.013.089
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.790.394
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.289.669
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	933.026
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	1.600
D	Tổng số vay trong năm (6)	8.000
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	8.000

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH SƠN LA

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	16.809.777
I	Bổ sung cân đối ngân sách	9.623.816
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (7)	3.172.872
	<i>Trong đó: Bổ sung để đảm bảo để đảm bảo phần 50% giảm thu dự toán năm 2025 so với 2024 làm giảm nguồn CCTL</i>	31.940
III	Bổ sung có mục tiêu (8)	4.013.089

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 1.899.030 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 8.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày
- (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (8) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là -31.940 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	11.954.184
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	8.598.933
1	Chi đầu tư phát triển (1)	809.700
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	657.700
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	122.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.800
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	7.200
2	Chi thường xuyên (2)	7.615.898
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.633.729
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	12.114
3	Chi trả lãi vay	500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	171.835
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.355.251
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.177.526
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	380.759
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	796.966
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	7.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	10.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	7.200
II	Vay để trả nợ gốc	2.800

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LAI CHÂU

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.102.784
I	Bổ sung cân đối ngân sách	5.089.542
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.657.991
	<i>Trong đó: Bổ sung để đảm bảo để đảm bảo phần 50% giảm thu dự toán năm 2025 so với 2024 làm giảm nguồn CCTL</i>	4.350
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.355.251

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 10.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 6.992 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là -4.350 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	14.591.845
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.424.897
1	Chi đầu tư phát triển (1)	988.000
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	730.800
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	170.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	32.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	55.200
2	Chi thường xuyên (2)	10.199.003
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.390.240
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	15.980
3	Chi trả lãi vay	9.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	227.394
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.166.948
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.285.200
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	931.742
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	950.006
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	55.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	65.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	55.200
II	Vay để trả nợ gốc	9.800

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	13.387.527
I	Bổ sung cân đối ngân sách	7.906.984
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	2.313.595
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.166.948
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.518

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 65.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 4.399 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 11.100 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	163.397.299
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	148.606.999
1	Chi đầu tư phát triển (1)	72.706.990
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	29.846.990
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	42.500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	360.000
2	Chi thường xuyên (2)	68.037.303
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	24.763.172
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	677.531
3	Chi trả lãi vay	269.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	10.460
5	Dự phòng ngân sách	4.101.240
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	3.481.206
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	14.790.300
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	14.423.273
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	367.027
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	32
C	Bội thu ngân sách địa phương (3)	134.200
D	Tổng số vay trong năm (4)	429.000
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	429.000

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	14.790.300
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	14.790.300

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 72.841.190 triệu đồng.
Trong đó đã bao gồm 429.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 126.791 triệu đồng.
 - (3) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 5.805.350 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	45.578.136
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	44.988.385
1	Chi đầu tư phát triển (1)	24.981.360
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.189.960
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	18.050.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	50.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	2.691.400
2	Chi thường xuyên (2)	18.659.712
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	7.408.397
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	146.921
3	Chi trả lãi vay	114.400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.700
5	Dự phòng ngân sách	1.231.213
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	589.751
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	459.245
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	130.506
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	76
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	2.691.400
D	Tổng số vay trong năm (4)	2.745.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	2.691.400
II	Vay để trả nợ gốc	53.700

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	589.751
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	589.751
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	282.445

Ghi chú:

- (1) Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 135.950 triệu đồng.
- (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 2.131.255 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG NINH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	31.431.921
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	29.392.157
1	Chi đầu tư phát triển (1)	11.348.290
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	5.796.290
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	52.000
2	Chi thường xuyên (2)	17.425.416
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.412.833
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	49.043
3	Chi trả lãi vay	7.400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.600
5	Dự phòng ngân sách	609.451
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.039.764
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	557.887
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.481.877
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	51
C	Bội thu ngân sách địa phương (3)	37.800

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG NINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.039.764
I	Bổ sung có mục tiêu (4)	2.039.764
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (5)	3.061.907

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 11.386.090 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (3) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (4) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (5) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là -727.135 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	25.036.374
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	23.432.979
1	Chi đầu tư phát triển (1)	9.403.620
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	863.520
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.303.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	47.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	190.100
2	Chi thường xuyên (2)	13.286.243
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.333.894
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	48.066
3	Chi trả lãi vay	44.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.230
5	Dự phòng ngân sách	697.286
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.603.395
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	548.975
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.054.420
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	98
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	190.100
D	Tổng số vay trong năm (4)	261.700
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	190.100
II	Vay để trả nợ gốc	71.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HẢI DƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.603.395
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	1.603.395
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	798.815

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 261.700 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 78.674 triệu đồng.
 - (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (5) Trong đó chỉ tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 1.386.189 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	40.665.308
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	40.221.901
1	Chi đầu tư phát triển (1)	28.563.840
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.040.840
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	27.500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
2	Chi thường xuyên (2)	10.848.611
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.196.006
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.974
3	Chi trả lãi vay	3.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	804.950
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	443.407
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	217.727
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	225.680
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	98
C	Bội thu ngân sách địa phương (3)	25.600
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	443.407
I	Bổ sung có mục tiêu (4)	443.407
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (5)	288.221

Ghi chú:

- Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 28.589.440 triệu đồng.
- Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 92.700 triệu đồng.
- Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 673.790 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH VĨNH PHÚC

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	20.182.270
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	16.637.053
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.748.370
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	3.925.370
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.800.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
2	Chi thường xuyên (3)	10.325.093
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.194.235
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	48.418
3	Chi trả lãi vay	210.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.510
5	Dự phòng ngân sách	352.080
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.545.217
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.150.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	2.395.217
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	66
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	166.000
D	Tổng số vay trong năm (5)	154.000
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	154.000

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH VINH PHÚC

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.545.217
I	Bổ sung có mục tiêu (6)	3.545.217
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	2.288.713

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 5.914.370 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 154.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là -824.900 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẮC NINH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	22.372.752
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	21.507.649
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.930.170
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.611.970
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.300.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	992.200
2	Chi thường xuyên (2)	14.162.270
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.075.207
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	67.140
3	Chi trả lãi vay	3.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	410.309
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	865.103
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	688.073
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	177.030
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	71
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	992.200
D	Tổng số vay trong năm (4)	1.000.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	992.200
II	Vay để trả nợ gốc	7.800

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẮC NINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	865.103
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	865.103
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	673.264

Ghi chú:

- (1) Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 50.397 triệu đồng.
 - (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 849.222 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HÀ NAM

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	20.487.616
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	20.340.529
1	Chi đầu tư phát triển (1)	10.664.980
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	546.980
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	10.100.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	18.000
2	Chi thường xuyên (2)	9.251.098
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.457.818
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	35.712
3	Chi trả lãi vay	16.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	407.451
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	147.087
1	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	147.087
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (3)	32.000
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	452.572
I	Bổ sung cân đối ngân sách	305.485
II	Bổ sung có mục tiêu (4)	147.087
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (5)	1.015.644

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 10.696.980 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 65.948 triệu đồng.
- (3) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (4) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (5) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 298.150 triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	23.044.508
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	21.796.661
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.763.400
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	770.400
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.950.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	43.000
2	Chi thường xuyên (3)	13.593.838
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.125.786
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.486
3	Chi trả lãi vay	1.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.510
5	Dự phòng ngân sách	436.413
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.247.847
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	122.561
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	924.327
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	200.959
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	24.000
D	Tổng số vay trong năm (6)	1.500
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	1.500

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.356.687
I	Bổ sung cân đối ngân sách	8.499.654
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (7)	2.609.186
III	Bổ sung có mục tiêu (8)	1.247.847
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	264.856

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 7.787.400 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 1.500 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 32.467 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (8) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 251.588 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	18.958.774
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.358.047
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.206.920
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.935.120
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.200.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	56.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	15.800
2	Chi thường xuyên (2)	8.841.182
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.722.741
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	48.881
3	Chi trả lãi vay	2.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	306.845
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.600.727
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	548.169
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	3.052.558
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	89
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	15.800
D	Tổng số vay trong năm (4)	44.400
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	15.800
II	Vay để trả nợ gốc	28.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH NINH BÌNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.600.727
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	3.600.727
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.580.283

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 44.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.

- (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 263.416 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH THÁI BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	21.298.744
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	18.000.871
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.052.570
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	750.370
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.220.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	64.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	18.200
2	Chi thường xuyên (2)	12.582.898
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.437.729
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	35.288
3	Chi trả lãi vay	4.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.450
5	Dự phòng ngân sách	359.653
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.297.873
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	331.266
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	2.770.365
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	196.242
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	18.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	55.900
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	18.200
II	Vay để trả nợ gốc	37.700

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH THÁI BÌNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.288.244
I	Bổ sung cân đối ngân sách	5.386.929
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	3.603.442
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.297.873

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 55.900 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 111.520 triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	50.052.527
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	45.687.434
1	Chi đầu tư phát triển (1)	10.428.520
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.600.120
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	28.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	300.400
2	Chi thường xuyên (2)	34.294.243
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	16.122.659
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	65.189
3	Chi trả lãi vay	53.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	3.230
5	Dự phòng ngân sách	907.741
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.365.093
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.841.866
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.370.397
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.152.830
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	300.400
D	Tổng số vay trong năm (5)	346.600
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	300.400
II	Vay để trả nợ gốc	46.200

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	22.671.754
I	Bổ sung cân đối ngân sách	14.822.515
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	3.484.146
II	Bổ sung có mục tiêu (7)	4.365.093
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	2.719.253

Ghi chú:

(1) Trong đó đã bao gồm 346.600 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

(2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 117.095 triệu đồng.

(3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

(4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

(6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

(7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 1.278.310 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH NGHỆ AN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	41.910.899
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	36.735.200
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.254.670
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.393.070
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	325.600
2	Chi thường xuyên (2)	28.735.748
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	13.579.248
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	50.305
3	Chi trả lãi vay	13.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	2.890
5	Dự phòng ngân sách	728.192
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	5.175.699
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.602.231
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	2.345.068
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.228.400
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	325.600
D	Tổng số vay trong năm (5)	375.300
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	325.600
II	Vay để trả nợ gốc	49.700

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH NGHỆ AN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	25.800.291
I	Bổ sung cân đối ngân sách	15.646.275
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	4.978.317
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	5.175.699
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	646.408

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 375.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 80.952 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 687.350 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	20.651.483
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	17.756.103
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.707.030
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	654.830
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.650.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	19.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	383.200
2	Chi thường xuyên (2)	14.671.775
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.375.058
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	39.347
3	Chi trả lãi vay	28.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.340
5	Dự phòng ngân sách	347.458
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.895.380
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.637.779
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	992.020
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	265.581
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	383.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	426.500
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	383.200
II	Vay để trả nợ gốc	43.300

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HÀ TĨNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.623.233
I	Bổ sung cân đối ngân sách	8.202.660
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.525.193
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.895.380
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.170.900

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 426.500 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 10.481 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 410.610 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	15.241.686
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.181.856
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.825.330
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	443.230
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.048.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	82.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	252.100
2	Chi thường xuyên (2)	9.069.731
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.654.505
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	26.622
3	Chi trả lãi vay	47.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	238.595
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.059.830
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.277.238
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.378.647
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	403.945
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	252.100
D	Tổng số vay trong năm (5)	346.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	252.100
II	Vay để trả nợ gốc	93.900

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG BÌNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.226.145
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.962.003
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	2.204.312
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.059.830
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	12.891

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 346.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 75.635 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	12.609.283
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	9.167.412
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.541.470
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	439.570
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	900.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	45.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	156.900
2	Chi thường xuyên (2)	7.429.032
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.474.101
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.877
3	Chi trả lãi vay	15.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	180.210
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.441.871
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.537.863
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	562.312
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	341.696
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	156.900
D	Tổng số vay trong năm (5)	184.900
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	156.900
II	Vay để trả nợ gốc	28.000

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG TRỊ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.111.463
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.126.751
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.542.841
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.441.871
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	65.520

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 184.900 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 3.932 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 199.150 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	15.184.653
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.010.554
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.348.200
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	742.900
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	135.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	70.300
2	Chi thường xuyên (2)	10.358.669
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.304.556
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	46.774
3	Chi trả lãi vay	23.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.180
5	Dự phòng ngân sách	278.805
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.174.099
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	770.306
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	170.838
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	232.955
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	70.300
D	Tổng số vay trong năm (5)	150.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	70.300
II	Vay để trả nợ gốc	79.700

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.046.330
I	Bổ sung cân đối ngân sách	1.872.231
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.174.099
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	1.272.723

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 150.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 69.502 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 295.175 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	20.017.152
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	18.055.095
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.844.170
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.199.170
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	245.000
2	Chi thường xuyên (2)	9.690.413
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.862.081
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	50.306
3	Chi trả lãi vay	36.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.820
5	Dự phòng ngân sách	363.044
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.119.048
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.962.057
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.876.427
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	85.630
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	83
C	Bội thu ngân sách địa phương (3)	97.100

2
Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.962.057
I	Bổ sung có mục tiêu (4)	1.962.057

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 6.941.270 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 5.850 triệu đồng.
- (3) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (4) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 2.295.688 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	23.267.064
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	19.043.973
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.182.790
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.200.790
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	105.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	377.000
2	Chi thường xuyên (2)	14.396.594
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.257.557
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.111
3	Chi trả lãi vay	89.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.450
5	Dự phòng ngân sách	373.339
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.223.091
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.227.770
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.246.272
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	749.049
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	82
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	377.000
D	Tổng số vay trong năm (5)	465.300
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	377.000
II	Vay để trả nợ gốc	88.300

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG NAM

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.223.091
I	Bổ sung có mục tiêu (6)	4.223.091
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	2.888.997

Ghi chú:

(1) Trong đó đã bao gồm 465.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

(2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.

(3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

(4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

(6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

(7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là -171.082 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	18.733.621
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	17.541.092
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.108.930
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.383.930
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	125.000
2	Chi thường xuyên (2)	12.806.357
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.001.003
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.566
3	Chi trả lãi vay	4.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.140
5	Dự phòng ngân sách	406.003
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	214.562
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.192.529
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	565.112
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	141.537
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	485.880
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	93
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	16.700

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH QUẢNG NGÃI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.192.529
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	1.192.529

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 4.125.630 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 111.268 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày
- (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 1.166.086 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	21.101.060
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	18.793.185
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.201.040
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	638.040
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.300.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	170.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	93.000
2	Chi thường xuyên (2)	11.180.981
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.940.012
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	40.532
3	Chi trả lãi vay	35.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.360
5	Dự phòng ngân sách	374.004
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.307.875
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	646.484
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.365.280
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	296.111
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	93.000
D	Tổng số vay trong năm (5)	127.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	93.000
II	Vay để trả nợ gốc	34.100

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.912.180
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.730.022
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.874.283
II	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.307.875
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	58.380

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 127.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 39.775 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 333.250 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH PHÚ YÊN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	12.849.852
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	10.694.015
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.769.120
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	458.420
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.018.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	170.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	122.700
2	Chi thường xuyên (2)	7.690.926
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.402.554
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	22.409
3	Chi trả lãi vay	400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	232.569
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.155.837
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.371.930
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	581.985
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	201.922
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	122.700
D	Tổng số vay trong năm (5)	124.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	122.700
II	Vay để trả nợ gốc	1.300

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH PHÚ YÊN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.801.719
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.147.794
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	498.088
II	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.155.837
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	831.033

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 124.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 26.345 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 149.942 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	22.681.325
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	20.232.600
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.828.340
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	3.129.640
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	315.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	1.383.700
2	Chi thường xuyên (2)	11.566.956
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.365.345
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	33.234
3	Chi trả lãi vay	15.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.170
5	Dự phòng ngân sách	697.409
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.122.825
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.448.725
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.189.454
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	111.140
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	148.131
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	90
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	1.383.700
D	Tổng số vay trong năm (5)	1.430.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	1.383.700
II	Vay để trả nợ gốc	46.300

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH KHÁNH HÒA

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.448.725
I	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.448.725

Ghi chú:

- (1) Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 155.366 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 2.766.780 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH NINH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	8.136.485
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	6.434.334
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.101.130
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	358.830
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	495.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	90.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	157.300
2	Chi thường xuyên (2)	5.152.578
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.334.694
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	25.493
3	Chi trả lãi vay	22.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	156.926
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.702.151
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.341.923
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	113.415
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	246.813
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	157.300
D	Tổng số vay trong năm (5)	191.600
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	157.300
II	Vay để trả nợ gốc	34.300

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH NINH THUẬN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.307.060
I	Bổ sung cân đối ngân sách	1.604.909
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.702.151
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	757.415

Ghi chú:

(1) Trong đó đã bao gồm 191.600 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

(2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 20.791 triệu đồng.

(3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

(4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

(6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

(7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 257.705 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÌNH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	15.149.666
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.397.191
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.480.480
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	508.880
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	800.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.150.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	21.600
2	Chi thường xuyên (2)	9.645.999
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.786.186
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.339
3	Chi trả lãi vay	2.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	267.512
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.752.475
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.256.142
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	256.541
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	239.792
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	21.600
D	Tổng số vay trong năm (5)	35.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	21.600
II	Vay để trả nợ gốc	13.400

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÌNH THUẬN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.873.389
I	Bổ sung cân đối ngân sách	2.120.914
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.752.475
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	2.603.077

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 35.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 20.700 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	26.771.218
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	21.033.143
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.955.950
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	963.350
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.750.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	165.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	77.600
2	Chi thường xuyên (2)	17.654.542
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	9.370.920
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.409
3	Chi trả lãi vay	2.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.440
5	Dự phòng ngân sách	419.111
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	5.738.075
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.788.429
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.251.850
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	697.796
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	77.600
D	Tổng số vay trong năm (5)	92.200
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	77.600
II	Vay để trả nợ gốc	14.600

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐẮK LẮK

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	19.151.074
I	Bổ sung cân đối ngân sách	10.147.629
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	3.265.370
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	5.738.075
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	241.954

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 92.200 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 26.318 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 314.280 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	10.452.612
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	7.379.022
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.009.240
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	460.440
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	460.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	48.800
2	Chi thường xuyên (2)	6.218.978
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.941.458
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	14.211
3	Chi trả lãi vay	3.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	146.604
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.073.590
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.886.199
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	663.407
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	523.984
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	48.800
D	Tổng số vay trong năm (5)	61.400
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	48.800
II	Vay để trả nợ gốc	12.600

2
Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐẮK NÔNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.930.232
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.506.336
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.350.306
	<i>Trong đó: Bổ sung để đảm bảo để đảm bảo phần 50% giảm thu dự toán năm 2025 so với 2024 làm giảm nguồn CCTL</i>	53.785
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.073.590

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 61.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là -53.785 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	18.575.262
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.715.332
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.497.720
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	953.520
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.250.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	190.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	104.200
2	Chi thường xuyên (2)	12.898.189
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.960.365
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.535
3	Chi trả lãi vay	5.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400
5	Dự phòng ngân sách	312.223
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.859.930
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.219.750
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	848.477
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	791.703
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	104.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	114.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	104.200
II	Vay để trả nợ gốc	9.900

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH GIA LAI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.542.750
I	Bổ sung cân đối ngân sách	7.597.872
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	2.084.948
II	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.859.930
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	273.412

Ghi chú:

(1) Trong đó đã bao gồm 114.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

(2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 35.844 triệu đồng.

(3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

(4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

(6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

(7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 202.650 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	10.076.203
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	8.121.024
1	Chi đầu tư phát triển (1)	982.090
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	552.690
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	340.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	82.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	7.400
2	Chi thường xuyên (2)	6.973.362
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.353.148
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	18.178
3	Chi trả lãi vay	2.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	162.272
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.955.179
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	824.064
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	473.713
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	657.402
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	7.400
D	Tổng số vay trong năm (5)	17.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	7.400
II	Vay để trả nợ gốc	9.700

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH KON TUM

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.338.605
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.793.973
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.589.453
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	1.955.179
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	698

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 17.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 4.738 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

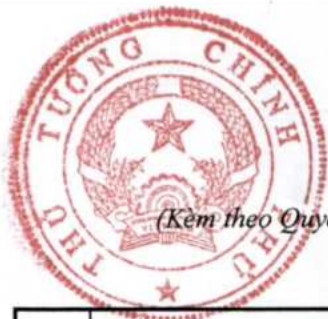
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	19.509.586
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	17.428.477
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.326.210
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	700.510
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.120.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	5.700
2	Chi thường xuyên (2)	11.750.611
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.478.359
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	34.704
3	Chi trả lãi vay	1.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.300
5	Dự phòng ngân sách	348.456
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.081.109
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.644.705
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	127.921
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	308.483
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	5.700
D	Tổng số vay trong năm (5)	11.200
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	5.700
II	Vay để trả nợ gốc	5.500

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LÂM ĐỒNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.803.938
I	Bổ sung cân đối ngân sách	2.722.829
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.081.109
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	1.950.748

Ghi chú:

(1) Trong đó đã bao gồm 11.200 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

(2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 27.624 triệu đồng.

(3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

(4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

(6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

(7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 202.895 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	139.521.098
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	135.875.844
1	Chi đầu tư phát triển (1)	80.911.560
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	29.679.760
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	30.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.870.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	16.361.800
2	Chi thường xuyên (2)	50.938.775
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	19.342.634
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	683.674
3	Chi trả lãi vay	1.384.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	11.400
5	Dự phòng ngân sách	2.629.309
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.645.254
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.237.492
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	407.762
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	21
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	16.361.800
D	Tổng số vay trong năm (4)	16.867.700
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	16.361.800
II	Vay để trả nợ gốc	505.900

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.645.254
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	3.645.254
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	3.466.484

Ghi chú:

(1) Trong đó đã bao gồm 3.217.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn. Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.

(2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 82.264 triệu đồng.

(3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

(5) Trong đó chỉ tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

(6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 2.893.285 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	33.472.658
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	28.266.073
1	Chi đầu tư phát triển (1)	12.018.410
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.518.410
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.450.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.050.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	2.000.000
2	Chi thường xuyên (2)	15.659.432
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	7.840.460
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	119.481
3	Chi trả lãi vay	60.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	2.910
5	Dự phòng ngân sách	525.321
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	5.206.585
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.315.982
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.890.603
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	50
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	2.000.000
D	Tổng số vay trong năm (4)	2.000.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	2.000.000

2
Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐỒNG NAI



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.206.585
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	5.206.585
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	2.419.573

Ghi chú:

- (1) Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 512.600 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	29.337.737
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	25.960.110
1	Chi đầu tư phát triển (1)	12.463.270
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.960.070
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.420.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.180.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	903.200
2	Chi thường xuyên (2)	12.532.748
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.058.690
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	90.009
3	Chi trả lãi vay	101.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.160
5	Dự phòng ngân sách	626.423
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	234.909
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.377.627
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.132.090
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	245.537
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	33
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	903.200
D	Tổng số vay trong năm (4)	995.800
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	903.200
II	Vay để trả nợ gốc	92.600

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.377.627
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	3.377.627

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 995.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 55.091 triệu đồng.

- (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 1.338.641 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	15.383.347
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.909.294
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.819.710
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	493.310
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	800.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.485.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	41.400
2	Chi thường xuyên (2)	8.803.348
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.849.694
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	28.152
3	Chi trả lãi vay	5.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	279.736
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.474.053
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.953.200
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.147.411
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	373.442
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	41.400
D	Tổng số vay trong năm (5)	50.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	41.400
II	Vay để trả nợ gốc	8.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.365.750
I	Bổ sung cân đối ngân sách	891.697
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	3.474.053
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	2.587.197

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 50.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là -139.600 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	12.717.143
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.114.387
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.056.760
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	585.360
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.260.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.190.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	21.400
2	Chi thường xuyên (2)	7.813.867
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.402.010
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.313
3	Chi trả lãi vay	900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	241.860
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	602.756
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	330.757
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	126.520
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	145.479
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	21.400
D	Tổng số vay trong năm (5)	28.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	21.400
II	Vay để trả nợ gốc	6.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH TÂY NINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.076.705
I	Bổ sung cân đối ngân sách	473.949
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	602.756
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	1.055.538

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 28.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 16.986 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 264.633 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	26.686.580
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	22.838.396
1	Chi đầu tư phát triển	10.274.110
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	6.324.110
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.950.000
2	Chi thường xuyên (1)	12.105.718
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.844.054
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	122.150
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.800
4	Dự phòng ngân sách	456.768
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.848.184
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.562.339
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	285.845
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	52
C	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.848.184
I	Bổ sung có mục tiêu (2)	3.848.184
D	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (3)	869.286

Ghi chú:

- (1) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (2) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 192.666 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LONG AN

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	22.135.859
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	20.334.286
1	Chi đầu tư phát triển (1)	8.092.870
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.322.870
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.170.000
2	Chi thường xuyên (2)	11.820.978
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.975.900
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	37.740
3	Chi trả lãi vay	12.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.260
5	Dự phòng ngân sách	406.978
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.801.573
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.327.989
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	195.668
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	277.916
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	95
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	14.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH LONG AN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.801.573
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	1.801.573
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.578.071

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 8.107.470 triệu đồng.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 62.676 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
 - (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 306.060 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH TIỀN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	16.533.707
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.689.681
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.653.180
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	653.180
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	950.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.050.000
2	Chi thường xuyên (2)	9.761.493
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.760.504
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	37.309
3	Chi trả lãi vay	200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	273.808
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.844.026
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.797.043
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	853.392
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	193.591
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	700

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH TIỀN GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.663.808
I	Bổ sung cân đối ngân sách	2.819.782
II	Bổ sung có mục tiêu (5)	2.844.026
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.336.209

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 3.653.880 triệu đồng.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
 - (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 632.830 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.139.762
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.297.883
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.076.990
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	423.290
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	440.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.170.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	43.700
2	Chi thường xuyên (2)	8.961.409
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.003.474
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	26.027
3	Chi trả lãi vay	13.400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	245.084
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.841.879
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.555.398
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	965.121
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	321.360
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	43.700
D	Tổng số vay trong năm (5)	59.800
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	43.700
II	Vay để trả nợ gốc	16.100

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẾN TRE

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.629.201
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.536.853
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.250.469
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	4.841.879
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	511.611

Ghi chú:

(1) Trong đó đã bao gồm 59.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

(2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 8.211 triệu đồng.

(3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

(4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

(6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

(7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 51.275 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	12.830.225
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.688.166
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.288.240
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	661.540
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	350.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.212.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	64.700
2	Chi thường xuyên (2)	8.157.557
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.763.642
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	27.626
3	Chi trả lãi vay	8.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	232.469
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.142.059
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	776.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	141.716
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	224.343
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	64.700
D	Tổng số vay trong năm (5)	69.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	64.700
II	Vay để trả nợ gốc	4.300

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH TRÀ VINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.886.643
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.744.584
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.142.059
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (7)	1.481.827

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 69.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 3.526 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là -11.083 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH VĨNH LONG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	14.121.996
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.695.220
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.857.910
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	599.610
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	480.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.140.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	638.300
2	Chi thường xuyên (2)	7.484.587
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.485.538
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.090
3	Chi trả lãi vay	75.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	276.423
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.426.776
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.840.993
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	412.665
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	173.118
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	638.300
D	Tổng số vay trong năm (5)	650.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	638.300
II	Vay để trả nợ gốc	11.700

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH VINH LONG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.048.176
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.291.501
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.329.899
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.426.776
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	100.520

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 650.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 22.119 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 292.250 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.563.527
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.388.680
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.833.640
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.379.140
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.550.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.020.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	884.500
2	Chi thường xuyên (2)	8.109.576
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.148.863
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	37.235
3	Chi trả lãi vay	174.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.380
5	Dự phòng ngân sách	270.084
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.174.847
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.029.086
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	145.761
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	884.500
D	Tổng số vay trong năm (4)	1.000.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	884.500
II	Vay để trả nợ gốc	115.500

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.006.762
I	Bổ sung cân đối ngân sách	831.915
II	Bổ sung có mục tiêu (5)	3.174.847
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.414.975

Ghi chú:

- (1) Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
 - (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 34.405 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HẬU GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	11.587.399
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	9.176.234
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.125.120
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	581.520
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.740.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	103.600
2	Chi thường xuyên (2)	5.852.961
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.504.366
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.197
3	Chi trả lãi vay	15.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	181.453
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.411.165
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.723.140
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	573.289
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	114.736
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	103.600
D	Tổng số vay trong năm (5)	117.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	103.600
II	Vay để trả nợ gốc	13.500

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH HẬU GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.666.497
I	Bổ sung cân đối ngân sách	1.851.555
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.403.777
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.411.165
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	8.706

Ghi chú:

(1) Trong đó đã bao gồm 117.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

(2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.

(3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

(4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

(6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

(7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 86.648 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	19.287.222
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.074.981
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.496.070
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	886.170
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	370.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.235.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	4.900
2	Chi thường xuyên (2)	10.283.909
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.755.297
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	22.275
3	Chi trả lãi vay	12.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	281.402
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	5.212.241
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	4.084.805
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	841.125
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	286.311
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	4.900
D	Tổng số vay trong năm (5)	21.400
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	4.900
II	Vay để trả nợ gốc	16.500

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH SÓC TRĂNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.724.581
I	Bổ sung cân đối ngân sách	7.085.625
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	426.715
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	5.212.241
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.093.021

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 21.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 33.783 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 177.275 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	23.402.370
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	18.289.917
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.139.920
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.416.220
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	518.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.100.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	105.700
2	Chi thường xuyên (2)	13.776.643
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.313.541
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	43.030
3	Chi trả lãi vay	8.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.170
5	Dự phòng ngân sách	363.684
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	5.112.453
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	4.080.469
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	679.877
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	352.107
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	105.700
D	Tổng số vay trong năm (5)	129.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	105.700
II	Vay để trả nợ gốc	23.400

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH AN GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	16.504.270
I	Bổ sung cân đối ngân sách	8.992.422
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	2.399.395
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	5.112.453
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	64.400

Ghi chú:

(1) Trong đó đã bao gồm 129.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

(2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 28.706 triệu đồng.

(3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.

(4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

(6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

(7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 40.350 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	20.395.340
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	17.358.348
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.666.890
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	966.890
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.100.000
2	Chi thường xuyên (2)	12.335.657
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.859.513
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.780
3	Chi trả lãi vay	3.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400
5	Dự phòng ngân sách	350.901
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.036.992
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.399.255
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	470.593
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	167.144
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	186.700

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH ĐỒNG THÁP

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.903.075
I	Bổ sung cân đối ngân sách	6.749.488
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (5)	2.116.595
III	Bổ sung có mục tiêu (6)	3.036.992

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 4.853.590 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 42.155 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (5) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 218.268 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	23.140.738
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	19.790.681
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.292.960
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.081.460
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.110.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	101.500
2	Chi thường xuyên (2)	13.096.897
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.346.823
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	41.180
3	Chi trả lãi vay	6.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.040
5	Dự phòng ngân sách	393.784
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.350.057
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.151.667
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	990.660
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	207.730
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	101.500
D	Tổng số vay trong năm (5)	115.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	101.500
II	Vay để trả nợ gốc	13.500

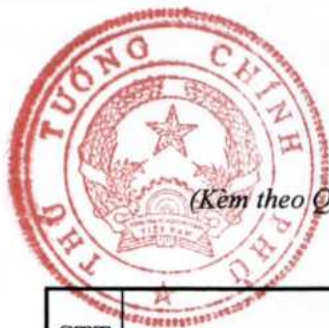
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH KIÊN GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.307.477
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.294.189
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	663.231
II	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.350.057
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.236.001

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 115.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án. Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 42.351 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 315.000 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẠC LIÊU

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	10.217.618
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	8.330.016
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.609.510
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	459.510
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	140.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.010.000
2	Chi thường xuyên (2)	5.527.646
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.310.292
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	21.118
3	Chi trả lãi vay	8.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	183.760
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.887.602
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.674.282
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	130.876
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	82.444
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	22.700

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BẠC LIÊU

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.158.333
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.270.731
II	Bổ sung có mục tiêu (5)	1.887.602
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	1.039.237

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 2.632.210 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 10.365 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 99.014 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	16.593.478
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.719.172
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.327.930
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	715.030
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	550.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.050.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	12.900
2	Chi thường xuyên (2)	9.107.404
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.775.114
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.064
3	Chi trả lãi vay	3.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	279.538
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.874.306
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.798.938
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	841.488
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	233.880
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	12.900
D	Tổng số vay trong năm (5)	31.500
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	12.900
II	Vay để trả nợ gốc	18.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH CÀ MAU

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.137.900
I	Bổ sung cân đối ngân sách	5.731.395
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng (6)	1.532.199
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.874.306
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (6)	69.468

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 31.500 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 22.360 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2025.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 163.125 triệu đồng.